

C.Nhân #15

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 1701 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 05 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục ban hành mới, thủ tục được bãi bỏ
thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành kế hoạch
và đầu tư tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 285/TTr-SKHĐT ngày 03 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai (*nội dung & danh mục đính kèm*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; trong đó ban hành mới 03 thủ tục; bãi bỏ 25 thủ tục (*thủ tục số 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Mục IV và 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99 của Mục V*) ban hành tại Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017 và Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Các nội dung khác của Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức

niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, tại Bộ phận một cửa của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật nội dung, quy trình (lưu đồ) giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Phần mềm một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Giám đốc Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông;
- Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai; Báo Lao động Đồng Nai;
- Trung tâm hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm kinh doanh VNPT;
- Lưu: VT, CNN, KT, KGVX, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh



mu

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
NGÀNH KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 05/6.../2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
A. THỦ TỤC BAN HÀNH MỚI		
IX	LĨNH VỰC ĐẦU THẦU, LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ	
1	Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất	
2	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất.	
3	Thủ tục Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất.	
B. THỦ TỤC BÃI BỎ		
IV	LĨNH VỰC ĐẦU THẦU, THẨM ĐỊNH VÀ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ	
75	Thủ tục thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	211
76	Thủ tục thẩm định điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu	213
77	Thủ tục thẩm định chủ trương đầu tư	215
78	Thủ tục thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư	220
79	Thủ tục thẩm định dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng	225
80	Thủ tục thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng	227
81	Thủ tục thẩm định và trình phê duyệt thiết kế, dự toán dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng	229
82	Thủ tục Chuyển đổi hình thức đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng vốn đầu tư công	231
83	Thủ tục thẩm định dự án đầu tư có cấu phần xây dựng	232
84	Thủ tục thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư có cấu phần xây dựng:	235
85	Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng	236
86	Thủ tục thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng	240

V	LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP, KINH TẾ TẬP THỂ VÀ TƯ NHÂN	
87	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư (PPP)	242
88	Thủ tục thẩm định Đề xuất dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP) do nhà đầu tư đề xuất	244
89	Thủ tục thẩm định Đề xuất dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP) do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề xuất	246
90	Thủ tục thẩm định và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (PPP)	249
91	Thủ tục thẩm định điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (PPP)	251
92	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:	253
93	Thủ tục công bố dự án PPP	255
94	Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (PPP)	256
95	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư	258
96	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn Nhà đầu tư (PPP)	260
97	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn Nhà đầu tư:	262
98	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (PPP)	264
99	Thủ tục Phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư	266

IV. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU, THẨM ĐỊNH VÀ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ

1. Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

Bước 2: Trung tâm Hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ.

Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải quyết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp và nhận kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

c) Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề xuất dự án do nhà đầu tư chuẩn bị gồm các thành phần hồ sơ tại mục (1); hồ sơ trình quyết định chủ trương đầu tư do tổ chức, đơn vị được giao thẩm định trình gồm các thành phần hồ sơ tại mục (2). Cụ thể:

(1) Hồ sơ đề xuất dự án nhà đầu tư:

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án, bao gồm cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu hồ sơ đề xuất dự án không được chấp thuận;

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

- Hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư;

- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình hồ sơ đề xuất dự án (nếu có).

(2) Quyết định chủ trương đầu tư:

- Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư;

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

- Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

- Báo cáo thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo pháp luật về đầu tư công đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công làm phần Nhà nước tham gia trong dự án PPP;

- Văn bản có ý kiến của cơ quan tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với dự án sử dụng nguồn chi thường xuyên hoặc nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công làm vốn thanh toán cho nhà đầu tư.

d) Số bộ hồ sơ: 07 bộ

đ) Thời hạn giải quyết:

Đối với dự án do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư: Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối với dự án không do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư:

vu

- Thời gian thẩm định tối đa 40 ngày đối với dự án nhóm A kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, 30 ngày đối với dự án nhóm B kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt: không xác định.

e) Cơ quan thực hiện:

(1) Đơn vị thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

(2) Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư:

- Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án sau đây:

- + Dự án nhóm A không thuộc trường hợp Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư của địa phương mình.

- + Dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công;

- + Dự án nhóm B áp dụng loại hợp đồng BT.

- Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án không thuộc các trường hợp Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Nhân dân tỉnh quyết định chủ trương của địa phương mình.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Quyết định chủ trương đầu tư.

i) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): không có.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Phụ lục II (Hướng dẫn thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP) ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

- Dự án do nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- + Phù hợp với lĩnh vực được khuyến khích đầu tư theo hình thức PPP;

- + Không trùng lặp với các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư;

- + Có khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư;

- + Phù hợp với khả năng cân đối phần Nhà nước tham gia trong dự án PPP;

- + Có báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Vw

- Nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước phải liên danh với doanh nghiệp khác để đề xuất dự án nhưng phải bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức PPP;
- Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

vu

2. Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

Bước 2: Trung tâm Hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ.

Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải quyết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp và nhận kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

c) Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư chuẩn bị gồm các thành phần hồ sơ tại mục (1); hồ sơ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi do tổ chức, đơn vị được giao thẩm định trình gồm các thành phần hồ sơ tại mục (2).
Cụ thể:

(1) Hồ sơ nhà đầu tư gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền

+ Tờ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi;

(2) Hồ sơ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan, tổ chức thẩm định gồm:

+ Tờ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Quyết định chủ trương đầu tư dự án (trừ dự án nhóm C); báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công;

+ Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

d) Số bộ hồ sơ: 07

đ) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi gồm:

- Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày;

- Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.

Thời gian phê duyệt: không quy định.

e) Cơ quan thực hiện:

Thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi:

Vu

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án không thuộc trường hợp Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, Quyết định duyệt Báo nghiên cứu khả thi.

i) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): không có.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Phụ lục IV (Hướng dẫn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP) ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Đối với dự án BT, quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/500 (nếu có) của quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư phải được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật trước khi báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức PPP;
- Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

vu

3. Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất

Bước 1: Nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

Bước 2: Trung tâm Hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ.

Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải quyết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp và nhận kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

c) Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh do nhà đầu tư chuẩn bị gồm các thành phần hồ sơ tại mục (1); hồ sơ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh do tổ chức, đơn vị được giao thẩm định trình gồm các thành phần hồ sơ tại mục (2). Cụ thể:

(1) Hồ sơ nhà đầu tư gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền

+ Tờ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh;

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh;

(2) Hồ sơ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh:

+ Tờ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh;

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh;

+ Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh;

+ Quyết định chủ trương đầu tư dự án (trừ dự án nhóm C); báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công;

+ Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

d) Số bộ hồ sơ: 07

d) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh gồm:

- Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày;

- Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.

Thời gian phê duyệt: không quy định.

e) Cơ quan thực hiện:

Thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án không thuộc trường hợp Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Mu

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo nghiên cứu khả thi điều chỉnh được phê duyệt.

i) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Phụ lục IV (Hướng dẫn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP) ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Đối với dự án BT, quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/500 (nếu có) của quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư phải được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật trước khi báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức PPP;

- Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.